

Bản án số: 60/2017/DS-ST
Ngày: 09-8-2017
V/v tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em.
2. Bà Lý Thị Kim Ngân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần N, sinh năm 1985. Địa chỉ: ĐPH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2017.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: TTCL, huyện CL, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017.

Ông N có mặt; ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần N trình bày:

Nguyên trước đây chị T có tham gia chơi nhiều dây hui khác nhau do chị Nguyễn Mỹ H làm chủ hui. Cụ thể như sau:

Dây hui thứ 1: Mệnh giá 2.000.000đồng, khởi khai vào ngày 05/4/2016AL, tham gia chơi 02 dây, có 44 hui viên, đã đóng được 22 lần hui sống với tổng số tiền là 21.160.000đồng.

Dây hội thứ 2: Khởi khai ngày 10/6/2016AL, mệnh giá 2.000.000đồng, có 20 hội viên, chơi 02 dây, đóng tổng cộng là 47.880.000đồng.

Dây hội thứ 3: Khởi khai vào ngày 15/7/2016AL, mệnh giá 2.000.000đồng, chơi 01 phần, có 28 hội viên, đóng tổng số tiền là 54.160.000đồng.

Dây hội thứ 4: Khởi khai vào ngày 15/6/2016AL, mệnh giá 2.000.000đồng, có 29 hội viên, đóng hội sống là 15.710.000đồng.

Dây hội thứ 5: Khởi khai vào ngày 01/9/2015AL, mệnh giá 1.000.000đồng, có 29 hội viên, đóng hội sống tổng cộng là 10.070.000đồng.

Đến ngày 20/12/2016AL thì chị H tuyên bố vỡ hội. Sau đó giữa chị Th và chị H đã tiến hành đối chiếu phần hội sống mà chị T đã đóng thì chị H có ký xác nhận còn nợ chị T số tiền là 148.980.000đồng và hẹn sau khi bán nhà của chị H được thì chị Hạnh sẽ trả tiền cho chị T nhưng đến nay chị H không trả lại tiền hội sống cho chị T nên quyền lợi của chị T bị thiệt thòi. Nay chị T khởi kiện yêu cầu một mình chị Nguyễn Mỹ H trả lại số tiền 148.980.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Sau khi bế hội thì giữa chị T và chị H có làm tờ xác nhận nợ vào ngày 23/12/2016 AL số tiền là 138.740.000đồng, sau đó đến ngày 28/12/2016AL thì chị H xác nhận còn nợ chị T số tiền 148.980.000đồng (là cộng thêm dây hội 1.000.000đồng với số tiền là 10.240.000đồng). Theo đơn khởi kiện thì chị T khởi kiện biên nhận nợ ngày 28/12/2016AL, sau đó đến ngày 12/5/2017 thì chị T có bản tường trình xin rút lại biên nhận nợ ngày 28/12/2016AL này mà chuyển sang kiện biên nhận nợ ngày 23/12/2016AL, rồi đến ngày 28/6/2017 thì chị T có đơn xin rút lại biên nhận nợ ngày 23/12/2016AL mà kiện biên nhận nợ ngày 28/12/2016AL. Ngày 04/8/2017 chị T có đơn xin sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện là kiện tranh chấp nợ hội chứ không có tranh chấp nợ vay tài sản theo như đơn khởi kiện ngày 07/02/2017.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất vào ngày 26/4/2017, bị đơn chị Nguyễn Mỹ H có lời trình bày:

Nguyên trước đây chị có làm chủ hội, còn chị T là hội viên. Vào ngày 20/12/2016AL thì chị tuyên bố vỡ hội đến ngày 23/12/2016AL thì chị có ký xác nhận cho chị T hiện còn thiếu chị T số tiền là 138.740.000đồng, sau đó đến ngày 28/12/2016AL thì cộng thêm 10.240.000đồng hội sống nữa nên chị đã ký giấy xác nhận là còn nợ chị T số tiền 148.980.000đồng. Chị thừa nhận là hiện còn nợ chị Bùi Thị T số tiền 148.980.000đồng nhưng hiện nay chị chưa bán được nhà nên chị H không đồng ý trả số tiền trên cho chị T, khi nào bán nhà được chị sẽ trả tiền cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Mỹ H là bị đơn, sau đó đến ngày 03/7/2017 thì chị H ủy quyền hoàn toàn cho anh Nguyễn Bảo Q tham gia tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để công bố chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập của anh Q cho chị H nhận thay tại nhà chị H đến lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Mỹ H. Hiện nay, chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số 52B3, khu phố 4, phường Phú Khương, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2017 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị T anh Trần N yêu cầu một mình chị Nguyễn Mỹ H trả số tiền là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng, không yêu cầu tính lãi suất, theo giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016AL, yêu cầu của chị T là tranh chấp nợ hui được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

[4] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 28/12/2016AL, chị Nguyễn Mỹ H có lập giấy xác nhận nợ chị T số tiền là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng, việc góp hui giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng góp hui giữa chị Bùi Thị T và chị Nguyễn Mỹ H là có thật và hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T yêu cầu chị Nguyễn Mỹ H trả số tiền là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đây vào ngày 26/4/2017 thì Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị H và sau đó tiến hành đối chất giữa chị H và chị T thì chị H đã thừa nhận hiện còn nợ chị T số tiền 148.980.000đồng nhưng hiện nay do chưa bán nhà được nên chị H không có khả năng trả lại số tiền trên cho chị T được, mặc khác giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016AL thì chị và chị T thỏa thuận trong năm 2017 sẽ trả lại hết số tiền này nhưng nay chưa bán nhà được nên chị T khởi kiện chị là chị không đồng ý. Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016 AL có chữ ký và họ tên của chị Nguyễn Mỹ H và căn cứ vào biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất của Tòa án vào ngày 26/4/2017 thì có đủ cơ sở khẳng định chị Bùi Thị T đã tham gia góp hui do chị Nguyễn Mỹ H làm chủ hui với số tiền đã đóng hui sống với số tiền là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*). Do đó, chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Mỹ H phải thanh toán số tiền hui là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*)đồng là phù hợp quy định tại Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

[6] Xét lời nại của chị H cho rằng chưa bán được nhà nên không có tiền để trả cho chị T là không có căn cứ, vì trong giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016AL thì giữa chị H và chị T không có thỏa thuận khi nào bán được nhà mới trả lại số tiền trên. Mặc khác, chị H còn cho rằng chưa hết năm 2017 nên chị T không có quyền khởi kiện chị H là cũng không có cơ sở, vì trong giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016AL thì chỉ ghi “ trong năm 2017” chứ không có ghi “ trong năm 2017 sẽ trả lại số tiền cho chị T” nên cũng không có căn cứ cho rằng chị T chưa đủ điều kiện để khởi kiện chị H. Do chị H tuyên bố vỡ hui nên chị T khởi kiện để yêu cầu chị H trả lại số tiền trên. Việc chị H không thực hiện giao tiền hui cho chị T là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại

Điều 15 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016 AL có chữ ký và họ tên của chị Nguyễn Mỹ Hạnh và căn cứ vào biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 26/4/2017 thì có đủ cơ sở để buộc chị Nguyễn Mỹ H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền hui cho chị Bùi Thị T là 148.980.000đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*)đồng. Do vậy mà lời nại của chị H là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với chị Nguyễn Mỹ H về việc yêu cầu trả số tiền là 148.980.000đồng(*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*)đồng

[8] Về lãi suất: Do các bên đương sự không có thỏa thuận lãi suất và chị Bùi Thị T không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí là: 148.980.000đồng x 5% = 7.449.000(*Bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng.

[9] *Tại phiên tòa sơ thẩm Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm như sau:*

- Về mặt hình thức: Thì Tòa án nhân dân thành phố BT đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định.

- Về mặt nội dung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Mỹ H trả lại số tiền hui là 148.980.000đồng. Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016AL và căn cứ vào biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 26/4/2017 thì chị H thừa nhận hiện còn nợ chị T số tiền 148.980.000đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Th, buộc chị Nguyễn Mỹ H trả lại số tiền hui còn nợ là 148.980.000đồng. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên. Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471 và khoản 2 Điều 357 ; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với chị Nguyễn Mỹ H. Buộc chị Nguyễn Mỹ H có trách nhiệm trả lại cho chị Bùi Thị T số tiền là 148.980.000(*Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng. Ghi nhận chị Bùi Thị T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Chị Nguyễn Mỹ H phải chịu là 7.449.000 (*Bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Bùi Thị T số tiền là 3.742.500 (*Ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010270 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Nguyên đơn chị Bùi Thị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp- Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bé Em

Lý Thị Kim Ngân

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Trường Sơn